

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

ĐÀI TƯỞNG NIỆM “NHỮNG NGƯỜI PHÁP VÀ VIỆT NAM Ở TRUNG KỲ HY SINH VÌ XỨ SỞ TRONG CHIẾN TRANH 1914-1918” ĐẶT TẠI HUẾ: BÁU VẬT BỊ BIẾN DẠNG VÀ LÃNG QUÊN !

Nguyễn Quang Trung Tiến*

Lời tòa soạn: Trong chuỗi sự kiện kỷ niệm 100 năm chấm dứt cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1918-2018) vừa qua tại Pháp, chính quyền vùng Hautes-Pyrénées đã dựng 4 tấm pa-nô lớn ghi lại sinh hoạt của cộng đồng người Việt trong cuộc chiến đương thời tại vùng đất này như một cách bày tỏ lòng tri ân đối với những người đã đóng góp cho việc gìn giữ quê hương của họ. Trước đó, nước Pháp đã xây dựng nhiều công trình ghi nhận công lao của những người lính Đông Dương tại Jardin d'Agronomie Tropicale de Paris, Marseille, Aix-en-Provence, Montpellier, Tarbes, Bergerac và Toulouse.

Tại Việt Nam, ở Huế cũng từng có một đài tưởng niệm những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ hy sinh trong Thế chiến 1. Gọi là “từng có” vì công trình này đến nay tuy vẫn còn tồn tại nhưng chỉ giữ được phần “xác” kiến trúc, còn phần hồn là danh sách những người được tưởng niệm thì đã bị bôi xóa từ lâu. Đài tưởng niệm những người hy sinh trong cuộc chiến tranh đẫm máu của nhân loại ngày nào đã biến thành nơi ghi khẩu hiệu, và giờ là sân khấu cho các chương trình giải trí! Trong người lại ngẫm đến ta, khi nghĩ đến sự khác biệt trên đây, ắt hẳn nhiều người Việt không khỏi cảm thấy xấu hổ. Nước Pháp ghi nhận công lao của những người lính Việt đối với đất nước họ trong Thế chiến 1 là chuyện hiển nhiên, nhưng lẽ nào sự đóng góp máu xương của những người lính ấy lại bị lãng quên ngay trên chính quê hương mình.

Cũng cần nói thêm rằng, trong số các Đài Tưởng niệm cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất được xây dựng ở Việt Nam cách đây ngót trăm năm, giờ chỉ còn duy nhất một Đài Tưởng niệm ở Huế. Lẽ nào chúng ta lại để một di tích quý báu như thế chìm đắm mãi trong sự lãng quên?

I. Đặt vấn đề

Đại chiến 1914-1918 là cuộc chiến tranh quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử nhân loại có đủ các loại hình chiến đấu trên bộ, trên biển và trên không; sử dụng những vũ khí hủy diệt hàng loạt và các phương tiện chiến tranh mới xuất hiện đầu thế kỷ XX như vũ khí hóa học, súng máy, đạn pháo mảnh, xe tăng, tàu ngầm, máy bay. Mặc dù chiến trường chính diễn ra ở châu Âu và Bắc Phi, cuốn theo 38 nước

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

tham gia, nhưng căn cứ vào nguyên nhân, mục đích của các nước tham chiến và quy mô, tính chất, hậu quả, tầm ảnh hưởng của cuộc chiến đối với thế giới thông qua các mối quan hệ, đặc biệt là quan hệ chính quốc-thuộc địa, nhân loại xem đây là cuộc đại chiến đầu tiên mang tính toàn cầu.

Trong cuộc chiến tranh đó, cho dù nằm ở khu vực Đông Nam Á, rất xa chiến trường chính; nhưng do là thuộc địa của Pháp, một trong những quốc gia tham chiến chính, nên Việt Nam cũng bị cuốn vào vòng chiến không chỉ về mặt kinh tế, chính trị, mà còn hao tổn rất nhiều máu xương bởi hàng chục ngàn người Việt Nam phải khoác áo lính sang châu Âu trực tiếp chiến đấu, hoặc làm lính thợ trong hàng ngũ của quân đội Pháp.

Chiến tranh kết thúc, nước Pháp dù thắng trận cũng lâm vào cảnh hoang tàn, đổ nát vì bị thiệt hại nặng nề nhất. Hàng ngàn người lính Việt Nam đã ngã xuống trên chiến trường, số còn lại quay về trong sự bạc đãi của chính quyền thực dân bảo hộ, vợ con của những người lính chết trận phần lớn lâm vào cảnh thiếu thốn, nghèo nhọc bởi trụ cột gia đình không còn nữa...

Để góp phần xoa dịu sự bất mãn của người dân thuộc địa, vỗ về “tình đoàn kết” Pháp - Việt trong công cuộc phụng sự chế độ bảo hộ, chính quyền thực dân chủ trương lập các đài tưởng niệm ở nhiều nơi để ghi công những người Pháp và nhân dân bản xứ đã chết vì cuộc chiến, nên một đài tưởng niệm ở xứ bảo hộ Trung Kỳ cũng ra đời tại Huế.

Thế nhưng, tại Việt Nam, chỉ ngót gần 100 năm sau, ngoại trừ đài tưởng niệm những người ở miền Trung đã hy sinh trong Thế chiến thứ nhất đặt ở Huế năm 1920, những đài khác đặt ở Hải Phòng năm 1923,⁽¹⁾ Cần Thơ năm 1923,⁽²⁾ Sài Gòn năm 1926,⁽³⁾ Hà Nội năm 1928...,⁽⁴⁾ đều đã bị phá bỏ.

Việc đài tưởng niệm ở Huế còn được lưu giữ không hề xuất phát từ ý nghĩa lịch sử quan trọng của nó, mà chỉ là do sự thừa nhận giá trị nghệ thuật truyền thống đặc sắc của công trình kể từ sau ngày chế độ thực dân ở Việt Nam sụp đổ. Vì thế, tuy phần xác của công trình đến nay vẫn còn, song phần hồn của di tích đã hoàn toàn nhạt nhòa trong nhận thức của xã hội.

Nhân sự kiện nhiều quốc gia trên thế giới vừa kỷ niệm 100 năm kết thúc Thế chiến thứ nhất (1914-1918), bài viết này sẽ trình bày bối cảnh ra đời và giá trị đích thực của công trình, từ việc thực dân Pháp đã đưa những người lính Việt Nam sang chiến đấu ở châu Âu như thế nào? Bao nhiêu người Việt Nam đã phải chết oan uổng trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ấy? Đến việc xây dựng đài tưởng niệm ở Huế ra sao? Giá trị và ý nghĩa lịch sử của đài tưởng niệm tại Huế nên hiểu thế nào cho đúng?...

II. Việc huy động người Việt Nam tham gia chiến tranh của Pháp

Công cuộc xâm lược Việt Nam của liên quân Pháp-Tây Ban Nha khởi đầu tại Đà Nẵng từ ngày 1/9/1858, nhưng phải mất đến 27 năm sau, khi Kinh đô Huế thất thủ vào ngày 5/7/1885, triều đình vua Hàm Nghi rời bỏ Kinh thành đi kháng chiến để mưu cầu giành lại nền độc lập bằng việc phát động khởi nghĩa Cần Vương, nước Pháp mới chính thức hoàn tất cuộc xâm lược để áp đặt nền thống trị trên toàn cõi Việt Nam.

Với âm mưu biến Việt Nam trở thành một bộ phận thuộc lãnh thổ Pháp trên mọi phương diện, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đến an ninh và quốc phòng, ngày 11/1/1892, Tổng thống Pháp ban hành đạo luật xếp Việt Nam và toàn Đông Dương vào “Khối thuộc địa đồng hóa” của nước Pháp. Trên cơ sở pháp lý đó, lực lượng quân đội Pháp tại Viễn Đông, đặc biệt tại Việt Nam luôn được củng cố cả về tổ chức lẫn phát triển lực lượng, để đối phó với tình hình đầy biến động tại các thuộc địa cũng như những diễn biến phức tạp của quan hệ quốc tế, đặc biệt là những mâu thuẫn về thuộc địa giữa các đế quốc từ cuối thế kỷ XIX.

Paul Doumer là nhân vật thiết lập những nền tảng đầu tiên cho sự phát triển của Pháp ở Đông Dương trong vấn đề cai trị, khai thác thuộc địa cũng như gia tăng sức mạnh quân sự để phòng thủ Đông Dương, trong bối cảnh nước Anh tăng cường lực lượng ở Hong Kong và Singapore, nước Đức hiện diện ở Viễn Đông, nước Nhật lớn mạnh và đủ khả năng uy hiếp Trung Quốc, Đông Dương. Vấn đề quân sự tại Đông Dương được trao trọng trách cho Hội đồng Phòng thủ Đông Dương, do Toàn quyền Đông Dương làm Chủ tịch, có quyền huy động quân đội, lập các đạo quan binh, tuyển mộ binh lính và phân bổ lực lượng.

Đến đầu thế kỷ XX, nước Pháp đã phát triển lực lượng quân đội tại Đông Dương thành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh, bao gồm quân viễn chinh Pháp, quân các thuộc địa khác của Pháp (chủ yếu là lính da đen từ Tunisie, Algérie, Morocco...) và lính bản xứ hay còn được gọi là quân đội thuộc địa Đông Dương.

Ngày 7/7/1900, Pháp ban hành luật Tổ chức Quân đội thuộc địa (Troupes coloniales), quy định Quân đội thuộc địa trực thuộc Bộ Chiến tranh. Nhiệm vụ của lực lượng này là chiếm đóng và bảo vệ các xứ thuộc địa và các xứ bảo hộ của Pháp, nhưng khi cần thiết và do đề nghị của Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, lực lượng này phải chịu sự điều động đi tham chiến ở bất kỳ chiến trường nào. Ngân sách chi phí cho lực lượng Quân đội thuộc địa đóng tại Pháp, Tunisie, Algérie lấy từ Bộ Chiến tranh; đóng tại các xứ thuộc địa và bảo hộ khác nhau của Pháp lấy từ Bộ Thuộc địa. Lính cơ (Milice) tại Việt Nam là lực lượng bổ sung cho Quân đội thuộc địa, khi bình thường do Ngân sách hàng xứ đài thọ, khi chuyển sang Quân đội thuộc địa mới do Ngân sách của Bộ Thuộc địa đài thọ.⁽⁵⁾

Như vậy, Pháp đã chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng trong công tác thu xếp nhân sự quân đội cũng như có những định hướng khá sớm cho việc sử dụng lực lượng quân đội một cách thuận lợi và triệt để. Việc đưa Quân đội thuộc địa trực thuộc Bộ Chiến tranh cho thấy nước Pháp dường như đã hiểu rằng trước mắt không chỉ là việc bình định thuộc địa, mà còn cho những cuộc chiến lớn không sớm thì muộn sẽ xảy ra. Linh bản xứ trong Quân đội thuộc địa được xây dựng và phát triển trên tinh thần sẵn sàng chiến đấu vì “mẫu quốc”, nhưng những quyền lợi cơ bản cần có chỉ do Bộ Thuộc địa “ưu ái” khi có điều động, còn bình thường là do các thuộc địa tự cung cấp ngân sách. Điều đó chẳng khác nào đẩy linh bản xứ trong Quân đội thuộc địa lâm vào cảnh ăn cơm nhà làm việc quan.

Để gia tăng lực lượng Quân đội thuộc địa cả về số lượng lẫn chất lượng, ngày 1/11/1904, “Tổng thống Pháp ra sắc lệnh cho phép tổ chức lực lượng quân dự bị người bản xứ ở Đông Dương (Réserves indigènes en Indochine). Lực lượng này mỗi năm phải tập trung để luyện tập tối đa 15 ngày; theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương, lực lượng này sẽ bị động viên từng khóa hoặc toàn bộ, khi cần thiết”.⁽⁶⁾

Đối với lính thường trực bản xứ, theo sắc lệnh ngày 28/8/1908 của Tổng thống Pháp, ở thuộc địa Nam Kỳ tổ chức bắt lính bằng hình thức rút thăm, khác với các xứ bảo hộ Bắc Kỳ và Trung Kỳ tổ chức bắt lính bằng hình thức cưỡng bức, chỉ định của chính quyền từ cấp xã.⁽⁷⁾ Lực lượng lính thường trực bản xứ cũng bị quy định bởi sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 22/2/1910 rằng: “Tất cả thanh niên Việt Nam, sau khi mãn hạn đi lính thường trực, phải chuyển sang lực lượng quân dự bị cho tới khi nào đủ 15 năm - kể cả thời gian tại ngũ - mới được giải ngũ hoàn toàn”.⁽⁸⁾

Ngày 1/8/1914, chiến tranh thế giới bùng nổ. Hai ngày sau, Đức tuyên chiến với Pháp. Trong giai đoạn đầu, những cuộc giao tranh của Pháp và Đức gây ra số thương vong lớn đến mức vượt quá sự suy tính của những nhà quân sự. Đến lúc này, hơn bao giờ hết các vấn đề về quân sự và việc tăng cường lực lượng quân đội được đặt lên hàng đầu, nên các thuộc địa của Pháp bắt đầu được nhắm đến. Ngày 30/6/1915, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh tổ chức và sử dụng Lực lượng cảnh sát đặc biệt (Force de police spéciale) toàn Đông Dương, quy định tất cả binh lính người bản xứ không thuộc quân chính quy đều trực thuộc lực lượng này, gọi là địa phương quân. Lực lượng cảnh sát đặc biệt được tuyển chọn từ nhiều địa phương, có tên gọi khác nhau, như ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Quảng Châu Loan là lính khổ xanh (Garde indigène), ở Nam Kỳ là lính thủ bộ (Garde civile indigène). Ngoài ra còn có lính cơ, lính châu, lính đồng... Với sắc lệnh này, Pháp đã chuẩn bị thêm một bước để sẵn sàng có đủ lực lượng từ thuộc địa Việt Nam tăng cường cho mặt trận châu Âu khi nguy cấp.

Bước sang năm 1916, khi cuộc chiến tranh chuyển sang giai đoạn mới với tính khốc liệt ngày một dữ dội cũng như vai trò của những trận địa phòng thủ với

chiến hào, lựu đạn, bom mìn và các ụ súng máy ngày càng được đề cao, thì hoạt động quân sự của Pháp cũng thay đổi theo những diễn biến phức tạp của tình hình chiến sự. Do vậy, bên cạnh việc điều chỉnh lại cách phân bổ lực lượng trên khắp các chiến trường, Pháp bắt đầu xúc tiến việc đưa Quân đội thuộc địa Đông Dương sang Pháp ngay trước khi nổ ra trận Verdun (2/1916), nơi bảo vệ hướng xâm nhập phía bắc vào đồng bằng Champagne và hướng tiếp cận với thủ đô Paris. Các hoạt động bố trí quân chiến đấu ở phòng tuyến Verdun ảnh hưởng đến toàn bộ quân số ở các chiến tuyến khác của Pháp, vì phải dàn mỏng lực lượng và điều tiết vũ khí. Để bù đắp vào những vị trí thiếu hụt lực lượng và gia tăng sức mạnh chiến đấu, Quân đội thuộc địa bao gồm Việt Nam được tăng cường đến nước Pháp.

Ngày 11 và ngày 31/1/1916, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định động viên toàn bộ lực lượng quân dự bị người Việt Nam từ các khóa tuyển năm 1907, 1908, 1909, 1910, 1911, 1912 để đưa sang chiến trường Pháp. Số tuyển khóa 1911, 1912 đều phiên chế vào các đội ngũ công nhân trợ thủ pháo binh.⁽⁹⁾

Để tăng thêm trọng lượng cho lệnh động viên binh lính người Việt, Pháp ép buộc Hội đồng Phụ chính Nam triều soạn và tuyên Chi của vua Duy Tân ngày 9 tháng 12 năm Duy Tân thứ 9 (13/1/1916), nhằm kêu gọi người Việt Nam hết lòng giúp sức nước Pháp đánh giặc Đức, trong đó có đoạn:

“Hỡi muôn dân và binh lính, các người là những người can đảm, xông pha, trung nghĩa; hãy xem kẻ thù của nước Pháp cũng như của chính mình.

“Vì danh dự của đất nước chúng ta, hãy tình nguyện ra trận để thể hiện những tình cảm tốt đẹp và bày tỏ lòng biết ơn đối với những công lao to lớn của nhà nước Bảo hộ. Quyết tâm đi tới chiến trường châu Âu rộng lớn để vùng những lưỡi gươm của đoàn quân An Nam trong chiến trận chính là lý tưởng cao đẹp của lớp thanh niên đầy nhiệt huyết hăng say: các người sẽ có cả vinh quang và danh dự.

“Ngày nước Pháp giành được thắng lợi cuối cùng, những công việc cao đẹp của các người sẽ được đáp đền bằng những ân huệ và sự tưởng thưởng của triều đình.

“Và các người cũng sẽ tự hào rằng kỷ niệm về những người lính An Nam có một vị trí lịch sử trang trọng ở thành phố ánh sáng, tức thủ đô Ba Lê vậy”.⁽¹⁰⁾

Nam Kỳ là đất thuộc địa, nên Pháp thuận lợi hơn trong công tác tuyển quân. Ngày 16/1/1916, “Toàn quyền Đông Dương ra quyết định bắt lính người Việt ở Nam Kỳ để đưa sang chiến trường bên Pháp. Do quyết định này, thực dân Pháp đã thành lập được 2 tiểu đoàn lính tập để đưa sang Pháp làm lính chiến và 2.250 lính thợ cùng 40 thông ngôn để đưa vào làm tại các công binh xưởng bên Pháp”.⁽¹¹⁾ Tại xứ bảo hộ Trung Kỳ, thực dân Pháp và Nam triều mở đợt tuyển bắt lính người Việt để đưa sang chiến trường bên Pháp. Từ ngày 22/1 đến ngày 30/3/1916, chúng đã tập

trung được 5.000 lính chiến và hơn 13.000 lính thợ, tuyển lựa trong số hơn 60.000 thanh niên.⁽¹²⁾ Việc bắt lính ở Việt Nam tăng nhanh suốt những năm 1916-1918.

Mặc dù số lượng người “tình nguyện” đi lính cũng như chất lượng và tiến độ tuyển quân ở Việt Nam rất nhanh, nhưng thực sự những người lính ấy luôn phản đối kịch liệt và tìm mọi cách để bị thải loại: “Bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát. Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu”. “Nếu quả thật người An Nam phần khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lý, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”? Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitorát bạc”.⁽¹³⁾

Những hành động tàn nhẫn và man rợ đó khiến người Việt Nam trước khi bước vào một cuộc đại chiến không hẹn ngày về phải trải qua bao cơn bĩ cực, đọa đầy của chính quyền thuộc địa. Chính vì thế, thậm chí họ sẵn sàng đứng lên cầm súng chống lại chính quyền thuộc địa; mà việc những đơn vị lính Việt Nam bị tuyển mộ tập trung ở Huế để chuẩn bị đưa sang chiến trường châu Âu đã được móc nối tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội, với sự tham gia của cả vua Duy Tân, dự định nổ ra đầu tháng 5/1916 là một minh chứng thực tế.

Tại Pháp, “đơn vị binh lính người Việt Nam đầu tiên bị đưa ra trận là Trung đội thứ tư thuộc Tiểu đoàn hậu cần thứ sáu. Trận chiến đầu tiên của đơn vị này diễn ra tại chiến trường Haudremont (Pháp), vào đêm 22 rạng ngày 23/1/1916. Trong trận này Trung đội đã bị chết 13 người, bị thương 20 người, mất tích 12 người”.⁽¹⁴⁾

Tổng kết toàn bộ lính thuộc địa Pháp tham gia cuộc chiến này, “có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!”⁽¹⁵⁾

Riêng số lượng người Đông Dương, mà chủ yếu là Việt Nam, “có 92.411 người bị đưa sang chiến trường châu Âu, gồm 4.800 lính chiến đấu; 24.272 lính biên chế ở 15 tiểu đoàn đồn trú tại khu vực chiến sự; 9.019 lính làm y tá thuộc địa; 5.339 lính làm công nhân của chính quyền thuộc địa; 48.981 lính làm công nhân quân sự [lính thợ] trong các nhà máy nội địa. Các lính chiến đấu thuộc 4 tiểu đoàn Đông Dương, mang tên 1, 2, 7 và 21; hai tiểu đoàn 1 và 2 làm nhiệm vụ trên mặt trận Đông Âu; hai tiểu đoàn 7 và 21 giữ các chiến hào trên mặt trận Pháp... Họ

chiến đấu ở nhiều địa danh như trục đường Dames, Vosges, Reims, đèo Krusova, Véliterna, Cafa Cjarparit...^{”(16)}

Tổng số lính bị đưa ra chiến trường trước và sau chiến tranh gồm 97.903 người, với 48.922 lính chiến và 48.981 lính thợ. Trong số 92.411 người bị đưa sang châu Âu trong giai đoạn chiến tranh 1914-1918, tính đến tháng 7/1919, mới chỉ có 11.518 người từ chiến trường châu Âu sống sót trở về, trong đó có 4.338 lính thợ và 7.180 lính chiến. Ngoài ra, còn có 5.492 người sau khi chiến tranh kết thúc vẫn bị đưa sang Siberia để phối hợp với quân đội 14 nước tấn công Nhà nước Xô viết Nga.⁽¹⁷⁾

III. Cái giá về sự “hy sinh” của những người lính Việt Nam

Những người lính Việt Nam nói riêng và lính các thuộc địa Pháp đã tham gia chiến đấu tại các chiến trường châu Âu nói chung, dù vĩnh viễn ra đi hay có ngày trở lại quê hương, cuối cùng chỉ nhận được một con số “0” tròn trĩnh. Những người ra đi vĩnh viễn đã không thể quay về, thậm chí không toàn vẹn cả thân xác. Những người trở về thì không nhận được một sự đón tiếp tử tế, không một sự tôn trọng dù ở mức độ tối thiểu tại đất nước mình. Xong phận sự, họ vẫn là những người dân cơ cực, nghèo hèn như những ngày trước khi tạm biệt quê hương, thậm chí còn khốn khó hơn trước. Những người sống sót và thân nhân, gia đình của những người chết càng thê thảm hơn bao giờ hết vì sự bạc đãi tiền nong đã được quy định từ trước, bởi giờ đây Ngân sách của Bộ Thuộc địa không còn phải chịu trách nhiệm về họ.

Đương thời, miêu tả những sự “hy sinh” của nhân dân các thuộc địa Pháp khi tham gia cuộc đại chiến này, Nguyễn Ái Quốc viết: “Họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bấn xức, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancăng [Balkan], lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácơ [Marne], hoặc trong bãi lầy miền Sămpanhơ [Champagne], để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.” (...) “Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây [Marseille] xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn

và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. “Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!”, đó sao? Thế là những “cựu binh”, đúng hơn là cái xác còn lại, sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả”.⁽¹⁸⁾

Trên hết, tâm trạng của nhiều người tham gia quân đội bản xứ bị bắt sang Pháp thật đau đớn, ê chề. Họ đã không hiểu tại sao mình phải làm điều không có giá trị như thế; và thực ra, trước đó họ cũng không hề biết điều mình sẽ làm có giá trị hay không, hoặc giá trị như thế nào?

Lẽ dĩ nhiên, xã hội và những bậc thức giả tiến bộ, cách mạng trong và ngoài nước không hề bỏ qua bằng việc đánh thức dư luận. Sự thức tỉnh của người Việt Nam đã tạo nên những làn sóng bất ổn cho thể chế chính trị - xã hội của Pháp tại Đông Dương thông qua các phong trào đấu tranh phản ứng mạnh mẽ với chế độ.

Ký giả người Pháp là J. A. trong bài “Những nạn nhân của Cuộc đại chiến” đã viết trên báo *Châu Á Trẻ* [*La Jeune Asie*] số ra ngày 10/6/1920 về những người lính Việt Nam đã chết rằng: “Chúng ta tôn vinh những người chết, những người không biết đòi hỏi nữa; nhưng điều gì sẽ đến với những người thân yêu của họ còn lại trên đời, mà nếu còn sống, họ sẽ luôn cố gắng đem lại hạnh phúc cho gia đình mình? Những góa phụ, những đứa trẻ mồ côi, những người cha già mẹ yếu này, không ngừng đau khổ bởi cảnh không nhà; họ sẽ lê bước khắp nơi bởi gánh nặng của cuộc sống mà người chồng, người cha, hoặc con trai anh hùng của họ đã không còn. Đó là một sự hy sinh có vẻ đẹp vượt xa lý tưởng của những người “nhà quê” [Nguyên văn: *nhaqué*] mà cuộc sống vật chất luôn là mối bận tâm nhất”.⁽¹⁹⁾

Về phản ứng của những cựu binh Việt Nam, học giả Eric Thomas Jennings thuộc Đại học Toronto [Canada] đưa ra đánh giá rằng: “Khi chiến tranh kết thúc, nhiều binh sĩ và công nhân Đông Dương đã mòn mỏi hoặc hoàn toàn vỡ mộng với cả những điều kiện ở Pháp và sự ngăn chặn, hoặc kiểm soát chặt chẽ mà họ phải gánh chịu (liên quan đến việc trả lương, di chuyển, kiểm duyệt bưu chính). Nhiều cựu chiến binh đã tham gia vào cuộc nổi dậy và khởi nghĩa trong những năm sau khi họ trở lại Đông Dương”.⁽²⁰⁾

Chính vì những phản ứng không riêng gì của người Việt Nam, chính phủ Pháp đã có chủ trương chung ở khắp các thuộc địa, kể cả trên đất Pháp, mà những động thái của Khâm sứ Pháp từ tháng 7/1919 cho triển khai xây dựng ở Huế đài kỷ niệm những người từng sinh sống hoặc làm việc tại Trung Kỳ đã đi lính và chết vì nước Pháp trong chiến tranh 1914-1918, là để góp phần xoa dịu làn sóng bất mãn và đấu tranh quyết liệt đó.

IV. Đây là giá trị thực của Đài Tưởng niệm ở Huế?

Đài Tưởng niệm “Những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ đã hy sinh vì Xứ sở trong Chiến tranh 1914-1918” [Nguyên văn: *Aux Français d’Annam et aux Annamites Morts pour la Patrie (1914-1918)*] nằm bên bờ hữu ngạn Sông Hương, đối diện Trường Quốc Học Huế qua đường Lê Lợi [lúc đó mang tên là Jules Ferry]; về sau dân gian quen gọi là “Đài Chiến sĩ Trận vong” hoặc “Bia Quốc Học”.

Việc xây dựng Đài Tưởng niệm những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ bỏ mình trong chiến tranh 1914-1918 được khởi động từ Nghị định số 971, ngày 24/7/1919 của Khâm sứ Trung Kỳ Tissot.⁽²¹⁾ Theo Nghị định này, một hội đồng gồm 12 quan chức Pháp đứng đầu các bộ phận ở Trung Kỳ, do Khâm sứ Trung Kỳ làm chủ tịch, đã được thành lập (sau đó có bổ sung thêm hai thành viên của Nam triều là Nguyễn Đình Hòe và Nguyễn Duy Tích) để nghiên cứu đề ra các phương án, giải pháp, chọn địa điểm xây dựng...

Sau hai phiên họp vào các ngày 7/11/1919 và 26/2/1920, Hội đồng đã bàn bạc kỹ lưỡng về những vấn đề liên quan, cuối cùng đi đến những quyết định cụ thể:

Về địa điểm xây dựng Đài, từ khoảng 10 địa điểm khác nhau được đưa ra, chủ yếu nằm ở ven đôi bờ Sông Hương, Chủ tịch Hội đồng đề nghị chọn khoảng đất trống bên bờ hữu ngạn trước Trường Quốc Học, với quan điểm được ghi rõ trong biên bản cuộc họp ngày 26/2/1920 rằng: “Ngoài vấn đề kỷ niệm cần gìn giữ, tốt hơn nữa còn gọi được sự chú ý của các thế hệ trẻ về tình đoàn kết gắn bó của người Pháp và người bản xứ trong Đại chiến và sự hy sinh chung của họ cho nền văn minh và tiến bộ...”⁽²²⁾

Về tên gọi của Đài, các tên được đề xuất lần lượt là “Đài Tưởng niệm các Chiến sĩ hy sinh vì nước Pháp” [*Monument aux Morts pour la France*]; “Đài Tưởng niệm các Chiến sĩ hy sinh trên Chiến trường” [*Monument aux Morts au Champ d’Honneur*]. Cuối cùng, Hội đồng thống nhất chọn khắc ở tầng trên mặt trước Đài 4 dòng chữ nhẹ nhàng hơn là: “Nước Pháp – Những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ – Đã hy sinh vì Xứ sở⁽²³⁾ – Trong Chiến tranh 1914-1918” [Nguyên văn: *La France – Aux Français d’Annam et aux Annamites – Morts pour la Patrie – 1914 -1918*].⁽²⁴⁾

Về hình thức của Đài, lúc đầu được đề nghị làm một tấm bia đá lớn để khắc tên các tử sĩ và xây một nhà bia để che mưa nắng; nhưng sau nhiều phân tích, Hội đồng nhất trí xây trên nền Đài một bức bình phong theo lối truyền thống Việt Nam để phù hợp với văn hóa bản xứ.⁽²⁵⁾

Kinh phí xây dựng Đài cũng được Hội đồng bàn thảo kỹ lưỡng, cuối cùng thống nhất trích hoàn toàn từ Ngân sách địa phương Trung Kỳ, với số tiền chính thức sau nhiều lần xem xét là 9.991,63 đồng Đông Dương.⁽²⁶⁾

Phiên họp thứ hai của Hội đồng ngày 26/2/1920 đã lập ra một Ủy ban gồm 4 người đặc trách công việc xây dựng Đài, với 3 nhiệm vụ chủ yếu là tiến hành một cuộc thi để lựa chọn và lập dự án; đứng ra kêu gọi đấu thầu để xây dựng Đài; giám sát việc thi công xây dựng Đài và thanh toán chi phí.⁽²⁷⁾

Cuộc họp của Ủy ban đặc trách diễn ra vào ngày 7/4/1920 đã đi đến quyết định phát động một cuộc thi thiết kế đồ án kiến trúc Đài kể từ ngày 10/4/1920, giới hạn đối tượng là các họa viên người Việt ở Huế và Đà Nẵng nhằm sớm chọn được đồ án thi công kịp thời trước mùa mưa năm 1920. Đồ án dự thi của các họa viên bao gồm các bản vẽ chính diện, mặt bằng, mặt cắt, phối cảnh tổng thể, mỗi cạnh chừng 40m, bình phong rộng chừng 8m và cao chừng 4m; tất cả vẽ bằng màu với tỷ lệ 1/20, thiết kế theo phong cách truyền thống của Huế và phù hợp với cảnh quan chung quanh gắn với địa điểm xây dựng ven bờ hữu ngạn Sông Hương, trước cổng chính của Trường Quốc Học. Hạn cuối đồ án dự thi phải gửi về Chủ tịch Ủy ban tại Tòa Khâm sứ Trung Kỳ trước ngày 1/5/1920, với 3 giải thưởng nhất, nhì, ba có giá trị lần lượt là 80, 50, 20 đồng Đông Dương.

Với 4 đồ án tham gia dự thi, ngày 3/5/1920, Hội đồng đã nhóm họp xem xét kỹ lưỡng và chấm được các giải theo thứ tự:

Giải nhất: Tôn Thất Sa, giáo viên hội họa tại Trường Bá công Huế (L'École Professionnelle de Huế).

Giải nhì: Các họa viên Trường Bá công Huế.

Giải ba: Nguyễn Hữu Dai.

Đồ án của tác giả Tôn Thất Sa được chọn để thi công.⁽²⁸⁾

Sau hơn 4 tháng thi công kể từ lúc chọn được nhà thầu vào 12/5/1920, công trình đã hoàn thành vào 18/9/1920. Vào ngày 23/9/1920, lễ khánh thành Đài Tưởng niệm “Những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ đã hy sinh vì Xứ sở trong Chiến tranh 1914-1918” đã được tổ chức trọng thể, với sự hiện diện của vua Khải Định, Toàn quyền Đông Dương Maurice Long, những quan chức cao cấp của chính phủ Bảo hộ và Nam triều, các cựu chiến binh người Việt và tất cả người Pháp ở Huế.

Toàn bộ công trình kiến trúc gồm một khối đài chính giữa và hai trụ biểu cao hai bên.

Khối đài chính giữa chia làm hai phần: phần nền và phần đài.

Phần nền cũng gồm hai tầng: tầng nền dưới rộng hơn; tầng trên xây lan can bao quanh cao gần 1,40m, 4 mặt lan can trở 4 lối đi có bậc cấp, mỗi bên các lối đi có một con kỳ lân đắp nổi hướng mặt ra trước, các trụ lan can đều đắp hình hoa sen ở trên đầu, các dải lan can được chia ra thành ô học, có trang trí gạch hoa đục

rỗng trắng men màu, riêng dưới dải lan can ở mặt sau của nền còn có dải lan can thứ hai nằm ở thể đất thấp hơn có chức năng giữ nền.

Phần đài mặt trước có kiến trúc theo dạng một bức bình phong lồng vào giữa một cửa tam quan lớn, cao khoảng 10,95m, cũng chia làm hai tầng, tầng trên thu hẹp lại như một gác nhỏ, trên mỗi tầng đều xây mái giả bằng ngói ống trắng men màu để che mưa nắng, với 12 mái, kết thúc các hàng ngói cuối mỗi mái đều bằng ngói câu đầu trích thủy.

Ở bờ nóc tầng trên, phần mái cong ở giữa đắp nổi hai hình hồi long châu vào giữa, ôm lấy khung bình phong nhỏ chứa 4 dòng chữ Pháp là: *La France – Aux Français d’Annam et aux Annamites – Morts pour la Patrie – 1914 -1918*; bờ nóc của hai bộ mái hai bên trang trí từng cặp giao châu vào mặt trời rực lửa ở giữa. Bờ nóc cao nhất ở giữa cũng là hai con giao, nhưng châu vào chữ “thọ” [壽] cách điệu thành hình tròn, đặt trên cái đế lớn.

Ở tầng dưới, phần giữa có dạng bình phong, khắc 6 cột dọc bằng chữ Pháp ghi họ và cấp bậc hoặc chức vụ của 31 người Pháp làm việc ở Trung Kỳ đã nhập ngũ và chết trong Chiến tranh Thế giới I, được đóng khung trong hình cái kim khánh, ở trên là cái huân chương quân công lớn của Pháp, có thêm trang trí mai, lan biểu trưng trong Tứ thời, hai bên bình phong là 4 trụ tháp có đầu chắp hình hoa sen, nối với bình phong theo dạng cuốn thư. Kế đến là hai mảng chạm lõng hình lục giác kiểu tổ ong để tạo độ thông thoáng giữa mặt trước với mặt sau. Ngoài cùng hai bên là hai cấu trúc dạng hai ngôi nhà nhỏ hình chữ nhật có trang trí hình chữ “thọ” rất lớn, tạo cảm giác của một tam quan thường gặp.

Hai hông của đài được trang trí đề tài Ngũ phúc với chữ “thọ” hình tròn nằm giữa và bốn con dơi ở bốn góc.

Phần đài mặt sau ở quanh bình phong cũng có trang trí cúc, tùng biểu trưng trong Tứ thời. Tầng trên mặt sau bình phong có khắc chữ Hán thành 8 hàng dọc gồm 52 chữ, đã bị phủ một lớp vữa mỏng nên chỉ đọc được một số chữ từ phải sang, phiên âm là: “*Đại Pháp quốc * Bảo hộ quốc * * * * * sắc Pháp quốc * nhất hạng An Nam * * * vong vị Đại Pháp quốc * * thượng tự nhất thiên cửu bách thập tứ hạ chí nhất thiên cửu bách thập bát niên * * **”^(*). Đại ý là chính phủ Bảo hộ [Trung Kỳ] thuộc nước Đại Pháp ghi công những người Pháp và An Nam ở Trung Kỳ đã chết vì nước Đại Pháp từ năm 1914 đến năm 1918. Tầng dưới mặt sau bình phong có khắc chữ Quốc ngữ thành 9 cột dọc gồm 78 họ tên người Việt thuộc các tỉnh Trung Kỳ là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Tourane [Đà Nẵng], Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh

* Các chữ này do nhà nghiên cứu Hán Nôm Trần Đại Vinh đọc từ ảnh chụp. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn. NQTT.

Hòa, Kon Tum. Con số 78 người này chỉ là đại diện cho 1.106 người, hoặc gần với sự thật hơn là khoảng 1.500 người lính Việt Nam ở Trung Kỳ đã chết trong cuộc chiến 1914-1918.⁽²⁹⁾ Hoa văn viên quanh đã bị đục, toàn bộ phủ một lớp vữa hơi dày, chỉ ở khoảng giữa có bong tróc, nên không đọc được toàn bộ tên. Quanh phần đế của tầng dưới được trang trí theo kiểu sập gụ trở chân quỳ.

Hai bên khối đài chính phía mặt trước có dựng hai trụ biểu cao 9,85m, hai đầu trụ có hai con kỳ lân quay đầu vào nhau nhưng mặt ngoảnh ra phía trước, thân trụ trang trí công phu bằng những chuỗi gạch hoa đúc rỗng trắng men màu kết hợp các mảnh sành sứ.

Toàn bộ khối đài chính và các trụ biểu được làm từ các chất liệu đá, gạch, ngói kết hợp bê tông cốt thép, nhưng đã tạo nên một tổng thể kiến trúc, trang trí điển hình của nghệ thuật truyền thống Huế, hoàn toàn hòa điệu với khung cảnh Sông Hương, Núi Ngự và quần thể kiến trúc cố đô Huế, dù được ra đời đầu thế kỷ XX và trong bối cảnh thuộc địa. Vì thế, nó đạt đến giá trị của một công trình kiến trúc điển hình của văn hóa-nghệ thuật Huế.

Nhưng giá trị đích thực của công trình Đài Tưởng niệm tại Huế không dừng lại ở góc độ nghệ thuật như đã mô tả và đánh giá ở trên.

Trong bối cảnh chính quyền thực dân xây dựng công trình này nhằm mục đích góp phần xoa dịu nỗi đau tổn thất nhân mạng và những phản ứng mạnh mẽ của người Việt Nam trước chính sách bạc đãi lính bản xứ sau chiến tranh, đồng thời để ru ngủ, vỗ về “tình đoàn kết” Pháp - Việt trong công cuộc phụng sự chế độ bảo hộ; thái độ tiếp quản của người dân Việt Nam và các chính quyền nối tiếp sau ngày đánh đổ thực dân Pháp đối với công trình này dĩ nhiên không hề quý trọng, thậm chí sẵn sàng lãng quên gốc tích lịch sử của công trình.

Tuy nhiên, sẽ vô cùng tai hại cho xã hội, cho lịch sử của dân tộc nếu tiếp tục theo đuổi nhận thức này; bởi đối với miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung, đài tưởng niệm đó là một chứng tích lịch sử có giá trị quốc tế hết sức quan trọng, và có ý nghĩa vô cùng to lớn: Nó ghi dấu sự hao tổn máu xương của bao người Việt Nam, kể cả những người Pháp vô tội, bị bắt đi lính trong cuộc chiến tranh phi nghĩa quy mô lớn đầu tiên trên thế giới; là bằng chứng tội ác của chủ nghĩa thực dân trong việc biến người Việt Nam thành bia đỡ đạn cho Pháp ở trời Âu; là một công trình nghệ thuật kiến trúc và trang trí mang đậm sắc thái văn hóa truyền thống của Huế và Việt Nam mà chúng ta có thể tự hào đã tạo nên được ngay trong thời thuộc địa.

V. Lời kết

Đài Tưởng niệm ở Huế do Chính phủ Bảo hộ Trung Kỳ xây dựng năm 1920 để ghi nhớ những người Pháp và người Việt Nam ở Trung Kỳ đã chết vì nước Pháp trong Chiến tranh Thế giới I, góp phần xoa dịu làn sóng bất mãn của nhân dân Việt

Nam trước sự bạc đãi của chính quyền Pháp đối với những người lính sống sót trở về và thân nhân những người đã chết. Không chỉ vậy, thực dân Pháp còn mong muốn dùng công trình này để hòng “mị dân” Việt Nam, ru ngủ và xây dựng “tình đoàn kết” Pháp-Việt nhằm phục vụ lợi ích lâu dài cho chế độ bảo hộ của Pháp trên xứ sở này. Việc chấp nhận công trình được thiết kế, thi công theo phong cách kiến trúc-trang trí truyền thống Huế và phù hợp với văn hóa Việt Nam, dựa theo đồ án của chính một người Việt Nam có tiếng tăm lúc ấy là họa sĩ Tôn Thất Sa, là một “nước cờ cao” của nhà cầm quyền Pháp ở Trung Kỳ thời bấy giờ, khiến ngay cả những người Việt Nam khó tính nhất cũng khó lòng phản đối hình thức của công trình.

Sự ứng xử “khôn ngoan” của người Pháp về công trình này khiến Đài Tưởng niệm tuy đương thời mang tính chính trị về nội dung, nhưng hình thức thì đạt đến giá trị cao về nghệ thuật truyền thống Huế, tạo cảm giác gần gũi và dễ chấp nhận đối với người Việt Nam. Nhờ thế, dưới chế độ Sài Gòn, trong bối cảnh nêu cao tinh thần “đả thực, bài phong” đầu thập niên 1960, nội dung mặt trước bình phong bị đục xóa ở cả tầng trên và tầng dưới để thay bằng những chữ: “Việt Nam Cộng hòa – Tổ quốc ghi ơn Chiến sĩ tranh đấu cho Độc lập và Tự do”, còn mặt sau bình phong thì bị tô vôi trát vữa che lấp; nhưng Đài Tưởng niệm xây thời Pháp không bị triệt hạ, bởi giá trị nghệ thuật của công trình là điều khó thể phủ nhận, nhờ thế nó tồn tại cho đến hôm nay.

Tuy nhiên, việc chế độ Sài Gòn đã làm biến dạng công trình gốc, và hiện nay tuy được tôn tạo nhưng vẫn chưa phục hồi theo nguyên bản, là một sai lầm khá tai hại. Bởi như đã phân tích ở trên, Đài Tưởng niệm ở Huế ngoài giá trị lâu bền ai cũng công nhận là mang tính nghệ thuật cao và điển hình của nghệ thuật kiến trúc-trang trí Huế; thì đó còn là một chứng tích lịch sử có giá trị quốc tế hết sức quan trọng, và có ý nghĩa vô cùng to lớn: Nó ghi dấu sự đổ máu của bao người Việt Nam vô tội, và cả những người Pháp bị động viên ra chiến trường, trong cuộc chiến tranh phi nghĩa quy mô lớn đầu tiên trên thế giới; là bằng chứng tội ác của chủ nghĩa thực dân trong việc đẩy người Việt Nam vào cuộc chiến tranh phi nghĩa làm bia đỡ đạn, hoặc bị dày dạn và bóc lột sức lao động cùng tột trong các công xưởng và nông trại tại Pháp bị đối xử tàn tệ và bạc đãi khi sống sót quay về nhà, thân nhân những người chết bị bỏ rơi, thậm chí những người chết vì nước Pháp còn bị phân biệt đối xử bất bình đẳng ngay cả trên Đài Tưởng niệm, khi danh sách người Việt chỉ nằm ở mặt sau còn người Pháp nằm ở mặt trước!

Đặc biệt, tại Việt Nam hiện nay chỉ duy nhất Đài Tưởng niệm ở Huế là còn tương đối nguyên vẹn, những nơi khác đã không còn giữ được. “Nhiều di tích trong Thế chiến I ở Đông Dương thuộc Pháp cũ đã không còn tồn tại cho đến ngày nay. Tuy nhiên, có những trường hợp ngoại lệ, như đài tưởng niệm chiến tranh 1914-1918 vẫn còn đứng tại Huế, cố đô của Việt Nam”.⁽³⁰⁾ Nguyên nhân các đài tưởng

niệm khác ở Việt Nam đều bị triệt hạ hết sau ngày Pháp rời khỏi Việt Nam, dù đặt ở miền Bắc hay miền Nam, một phần do các tác giả thiết kế những công trình đó đều là người Pháp, các tượng đài đều được xây dựng theo phong cách châu Âu, dấu ấn của chế độ thực dân thể hiện quá đậm nét trên công trình, rất khó tạo sự gần gũi với tâm lý văn hóa bản địa, nên không được chấp nhận. Ngược lại, chỉ duy nhất đài xây ở Huế chủ trương dựa vào lực lượng họa viên người Việt ở Huế và Đà Nẵng để tuyển thiết kế, lấy tinh thần văn hóa truyền thống Huế làm chuẩn mực cho hình thức của công trình, tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc mang đậm tính cách Việt Nam.

Vì thế, Đài Tưởng niệm ở Huế giờ đây không chỉ là nơi lưu danh 31 người Pháp và 78 người Việt đại diện cho khoảng 1.500 người thuộc các tỉnh miền Trung, mà còn trở thành đại diện cho hàng ngàn vong linh những người Việt Nam và người Pháp ở Việt Nam năm xưa đã nằm xuống trên các chiến trường trong Chiến tranh Thế giới I. Giá trị của công trình vì thế càng tăng phần ý nghĩa quốc gia và quốc tế.

Để những giá trị đặc sắc của di tích tưởng niệm này được đông đảo mọi người biết đến sau hơn nửa thế kỷ bị lãng quên, người viết bài này có mấy ý kiến đề xuất sau:

1. Đề nghị lãnh đạo hiện nay của tỉnh Thừa Thiên Huế không nên tiếp tục để chứng tích quan trọng và có giá trị to lớn này nằm dưới sự quản lý cấp thành phố, trực tiếp là Trung tâm Công viên Cây xanh Huế; mà nên nâng cấp chuyển sang giao cho các đơn vị quản lý cấp tỉnh có chức năng chuyên môn là Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (vua Khải Định là người tham gia khánh thành và Nam triều lo việc tế lễ ở Đài hàng năm), hoặc Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý, để phát huy giá trị công trình tốt hơn và chuẩn mực hơn. Đồng thời, cần có chủ trương xây dựng kế hoạch tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng, sưu tầm và nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về chứng tích này để xúc tiến lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích quốc gia cho Đài Tưởng niệm ở Huế.

2. Cần phục hồi nguyên gốc bình phong trên Đài cả mặt trước và mặt sau cùng các chi tiết liên quan, bao gồm danh sách cả người Việt lẫn người Pháp, để Đài Tưởng niệm lưu giữ được giá trị vốn có một cách bền vững, phục vụ việc tham quan kết hợp giáo dục học sinh, sinh viên và công dân Việt Nam về sự phi nghĩa của chiến tranh do các cường quốc gây nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến đất nước và đồng bào mình; góp phần cho họ thấy rõ biểu tượng về nỗi đau thương mà chế độ thực dân tàn bạo đã biến hàng chục ngàn người Việt Nam thành bia đỡ đạn trong quá khứ, nhằm củng cố tình yêu thương đồng bào và quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự do cho quê hương, xứ sở; giúp những thân nhân hậu duệ người Việt và người Pháp có liên quan giải tỏa được những bức xúc về tâm linh và tăng phần thiện cảm với vùng đất Huế; giới thiệu khách tham quan quốc tế biết được nỗi đau của người Việt Nam và sự tàn ác của chiến tranh do các nước lớn gây ra đã ảnh hưởng đến tính mạng và hòa bình của toàn nhân loại...

3. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chuyến sang Pháp đàm phán hòa bình năm 1946 đã từng đến dâng hương trước Đài Tưởng niệm đồng bào Việt Nam đã chết trong Chiến tranh Thế giới I tại Nogent-sur-Marne, đặt vòng hoa tại Mộ chiến sĩ vô danh (có người Việt Nam) ở Khải Hoàn Môn Paris ngày 3/7/1946. Nghĩa cử cao đẹp thể hiện sự tôn trọng đời sống tâm linh và mang đậm tính nhân văn đối với đồng bào mình đã chết, cũng như thân nhân của họ, trong Chiến tranh Thế giới I của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương đáng được nhân dân Huế nói riêng, nhân dân cả nước nói chung trân trọng, noi theo để điều chỉnh thái độ ứng xử đúng mức với công trình đang được lưu giữ tại Huế.

4. Đây là một đài tưởng niệm mang tính tâm linh ngay từ lúc được xây dựng, cả về phía Việt Nam cũng như nước Pháp và quốc tế; nhưng do sự thiếu hiểu biết hoặc vì những lý do nào đó, công trình này đã bị thể tục hóa, nhiều lần biến thành sân khấu hoạt động lễ hội, sinh hoạt giải trí, trình diễn thời trang, biểu diễn nghệ thuật..., khiến những người hiểu biết nguyên ủy cảm thấy xót xa, đau lòng, thậm chí phẫn nộ. Vì vậy, các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý cần chấm dứt ngay việc cấp phép sử dụng mặt bằng trên Đài đối với những hoạt động có thể xâm phạm đến chứng tích và đời sống tinh thần, tâm linh của hậu duệ những người đã khuất, cả trong nước và quốc tế, cũng như đụng chạm quan niệm tôn trọng yếu tố tâm linh của người dân Việt Nam và thế giới nói chung.

5. Cần khôi phục nội dung, giá trị và ý nghĩa quốc tế, ý nghĩa lịch sử, nghệ thuật của Đài Tưởng niệm để cắm bảng, biểu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh rõ ràng, nhằm giới thiệu đầy đủ ngọn ngành cho người đến xem, góp phần giáo dục nhân dân Việt Nam, thu hút sự lưu tâm của người Pháp, giới thiệu giá trị công trình cho khách quốc tế, gia tăng điểm tham quan chứng tích, góp phần nâng tầm quảng bá và phát triển du lịch ở Huế và Việt Nam.

6. Đây là một loại hình chứng tích độc đáo ghi dấu về Chiến tranh Thế giới I đối với Việt Nam còn lưu giữ nguyên vẹn duy nhất ở Huế, tương tự như chứng tích Nghĩa địa Tây Ban Nha (gồm cả mộ lính Pháp và lính Tây Ban Nha) ở Đà Nẵng trong cuộc xâm lược Việt Nam giai đoạn 1858-1860. Đà Nẵng đã bảo quản rất trân trọng khu chứng tích nghĩa địa đó, đưa vào giáo dục nhân dân, tạo thiện cảm cho người Pháp và Tây Ban Nha, giới thiệu khách quốc tế và khai thác trong tổng thể ở khu du lịch bán đảo Sơn Trà rất tốt.

Vậy, tại sao Thừa Thiên Huế có “báu vật” trong tay mà lại lãng quên, bỏ mặc cho sự biến dạng từ thời chế độ Sài Gòn đến nay, không có một lời giới thiệu, chỉ dẫn nào cắm ở chứng tích; khiến không chỉ làm ảnh hưởng đến tâm lý xã hội, mà người Việt Nam và khách quốc tế đến thăm đa phần chẳng hiểu đó là cái gì, đánh mất cả giá trị to lớn và tác dụng của “báu vật”? Những vấn đề này có được giải quyết rốt ráo hay không, tùy thuộc vào tinh thần, nhận thức và thái độ trách nhiệm của lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay!

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) *L'Éveil économique de l'Indochine* (1923), N° 314, 17 Juin, Hanoi, p. 11.
- (2) *L'Écho annamite* (1923), N° 485, 09 Juin, Saigon, p. 1.
- (3) *L'Éveil économique de l'Indochine* (1926), N° 471, 20 Juin, Hanoi, p. 18.
- (4) *L'Indochine: Revue économique d'Extrême-Orient* (1928), N° 18, 20 Novembre, Paris, p. 283.
- (5), (6), (7), (8), (9) Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 268-269, 291, 313, 324, 361.
- (10) R. Orband (1916), "Éphémérides Annamites", *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, N°4, Oct. - Déc., p. 426.
- (11), (12) Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, sđd, tr 361-362, 362.
- (13) Nguyễn Ái Quốc (1985), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr 8-10.
- (14) Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, sđd, tr 383.
- (15) Nguyễn Ái Quốc (1985), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, sđd, tr 5.
- (16) E. Le Bris (1937), "Le Monument aux Morts de Hué", *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, N°4, Oct. - Déc., p. 348.
- (17) Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, sđd, tr 382-383.
- (18) Nguyễn Ái Quốc (1985), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, sđd, tr 7, 11.
- (19) J. A. "Les victimes de la Grande Guerre" (1920), *La Jeune Asie*, N° 34, 10 Juin, p. 1.
- (20) Eric Thomas Jennings (2015), "Commemoration, Cult of the Fallen (Indochina)", *1914-1918-online. International Encyclopedia of the First World War*, 15 June.
- (21), (22) E. Le Bris (1937), bđd, tr 332-333, 335-336.
- (23) Nguyên văn: la Patrie, nghĩa là Tổ quốc, Quê hương, Xứ sở. Chúng tôi chọn dịch thành "Xứ sở" để phù hợp với tâm lý "nhạy cảm" của những người Việt Nam lúc đó và cả hiện nay.
- (24), (25), (26), (27), (28), (29) E. Le Bris (1937), bđd, tr 351, 336, 346, 345, 342, 348-349.
- (30) Eric Thomas Jennings (2015), bđd.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- J. A. "Les victimes de la Grande Guerre" (1920), *La Jeune Asie*, N° 34, 10 Juin.
- Amicale tonkinoise des Anciens Combattants (1935), *Annuaire 1935*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi.
- Bibliothèque historique de la Ville de Paris (1916), *bibliothèques-specialisees.paris.fr*, 14 Juillet.
- E. Le Bris (1937), "Le Monument aux Morts de Hué", *BAVH*, N°4, Oct. - Déc.
- *L'Écho annamite* (1923), N° 485, 09 Juin, Saigon.
- *L'Éveil économique de l'Indochine* (1923), N° 314, 17 Juin, Hanoi.
- *L'Éveil économique de l'Indochine* (1926), N° 471, 20 Juin, Hanoi.
- *L'Indochine: Revue économique d'Extrême-Orient* (1928), N° 18, 20 Novembre, Paris.
- Eric Thomas Jennings (2015), "Commemoration, Cult of the Fallen (Indochina)", *1914-1918-online. International Encyclopedia of the First World War*, 15 June.
- *Le Miroir: entièrement illustré par la photographie*, N°143, 20/8/1916, N°188, 1/7/1917, N° 205, 28/10/1917, Paris.

- R. Orband (1916), “Éphémérides Annamites”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, N°4, Oct. - Déc.
- Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858 - 1918*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Ái Quốc (1985), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

TÓM TẮT

Đài Tưởng niệm “Những người Pháp và Việt Nam ở Trung Kỳ đã hy sinh vì Xứ sở trong Chiến tranh 1914-1918” [Aux Français d’Annam et aux Annamites Morts pour la Patrie (1914-1918)], dân gian quen gọi là “Đài Chiến sĩ Trận vong” hoặc “Bia Quốc Học”, nằm ở công viên bờ nam Sông Hương, đối diện Trường Quốc Học Huế qua đường Lê Lợi, được khởi động từ Nghị định số 971 của Khâm sứ Trung Kỳ ngày 24/7/1919 và khánh thành vào ngày 23/9/1920. Chính quyền thực dân xây dựng đài tưởng niệm này nhằm mục đích góp phần xoa dịu nỗi đau tổn thất nhân mạng và những phản ứng mạnh mẽ của người Việt Nam trước chính sách bạc đãi lính bản xứ sau chiến tranh, vỗ về “tình đoàn kết” Pháp - Việt trong công cuộc phụng sự chế độ bảo hộ.

Nhưng đối với miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung, đài tưởng niệm đó là một chứng tích lịch sử có giá trị quốc tế hết sức quan trọng và có ý nghĩa vô cùng to lớn: Nó ghi dấu sự hao tổn máu xương của bao người Việt Nam vô tội trong cuộc chiến tranh phi nghĩa quy mô lớn đầu tiên trên thế giới; là bằng chứng tội ác của chủ nghĩa thực dân trong việc biến người Việt Nam thành bia đỡ đạn cho Pháp ở trời Âu; là một công trình nghệ thuật kiến trúc và trang trí mang đậm sắc thái văn hóa truyền thống của Huế và Việt Nam thời thuộc địa. Vì thế, việc làm biến dạng và đánh mất giá trị lịch sử, nghệ thuật của công trình này suốt hơn nửa thế kỷ qua, kể từ thập niên 1960, là một thiếu sót lớn cần được nhanh chóng khắc phục trong hiện tại.

ABSTRACT

MONUMENT OF “THE FRENCH AND VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM SACRIFICED FOR THEIR COUNTRY DURING THE 1914-1918 WAR” LOCATED IN HUÉ: A DISTORTED AND OBLIVIOUS TREASURE

The Monument of “The French and Vietnamese in Central Vietnam sacrificed for their country during the 1914-1918 War” [Aux Français d’Annam et aux Annamites Morts pour la Patrie (1914-1918)], commonly called “The Monument of Dead Soldiers” or “Quốc Học Stele”, is located in the park on the southern bank of the Perfume River, opposite Quốc Học High School across Lê Lợi Street. It started under the Decree No. 971 by the French Resident Superior in Central Vietnam on the July 24, 1919 and inaugurated on September 23, 1920. The Colonial Government built this memorial in order to help ease the torment of human loss and the strong reaction of the Vietnamese people against the ill-treatment of indigenous soldiers after the war, comforting “the France - Vietnam solidarity” in the service of the protectorate regime.

For the Central Vietnam in particular and Vietnam in general, the memorial is a historical evidence with international value and great significance. It marks the bloodshed of many innocent Vietnamese in the First World War and is evidence of crimes of French colonialism in turning Vietnamese into the body shields for the French in Europe; however, it is an architectural and decorative work of art embodying the traditional culture of Huế and Vietnam in the colonial period. Therefore, distorting or losing the artistic and historical value of this monument for more than half a century, since the 1960s, is a serious fault which needs to be quickly restored.

PHỤ LỤC
HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH VIỆT NAM TRONG THẾ CHIẾN THỨ NHẤT
Ở PHÁP VÀ CÁC ĐÀI TƯỞNG NIỆM TẠI VIỆT NAM



Lính Việt Nam trên boong tàu Pháp năm 1917

(Nguồn: *Le Miroir: entièrement illustré par la photographie*, N^o 205, 28/10/1917, Paris).



Lính Việt Nam tập trận ở Pháp trong những năm 1916-1917 (Nguồn: *Flickr.com*).



Lính Việt Nam tập kỹ thuật chiến đấu ở Saint-Raphaël năm 1916 (Nguồn: Photographie de presse - Agence Rol).



Lính Việt Nam tại Paris năm 1916 (Nguồn: Bibliothèque historique de la Ville de Paris (1916), *bibliotheques-specialisees.paris.fr*, 14 juillet).



Lính Việt Nam hành quân bằng cơ giới ở Saint-Raphaël năm 1916
(Nguồn: Photographie de presse - Agence Rol).



Những phút giây giải trí hiếm hoi của người lính Việt trên đất Pháp. (Nguồn: *Le Miroir: entièrement illustré par la photographie*, N^o 143, 20/8/1916, Paris).



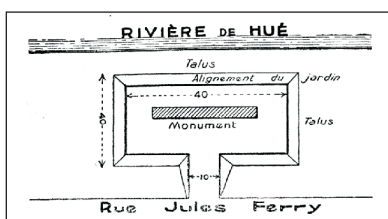
Lính Việt Nam nghỉ giải lao chờ lên tàu lửa ở Saint-Raphaël năm 1916 (Nguồn: Photographie de presse - Agence Rol).



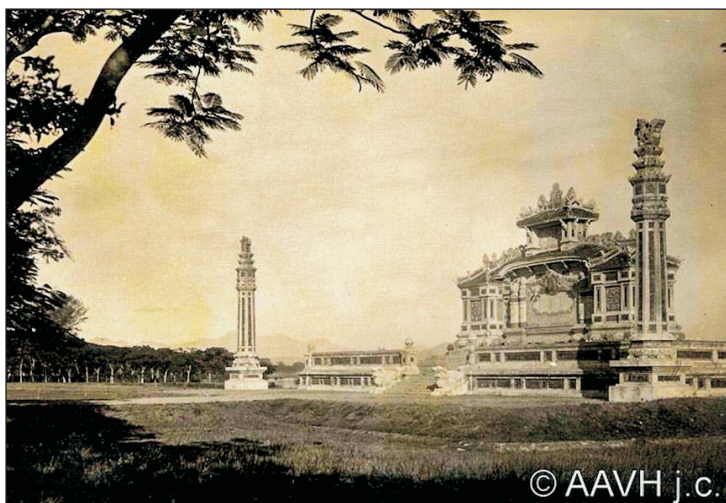
Bếp ăn trong doanh trại lính Việt Nam ở Pháp năm 1917 (Nguồn: *Le Miroir: entièrement illustré par la photographie*, N^o 188, 1/7/1917, Paris).



Lễ khánh thành Đài Tưởng niệm Huế ngày 23/9/1920 (Nguồn: AAVH AP0793 Sogny-Marien).



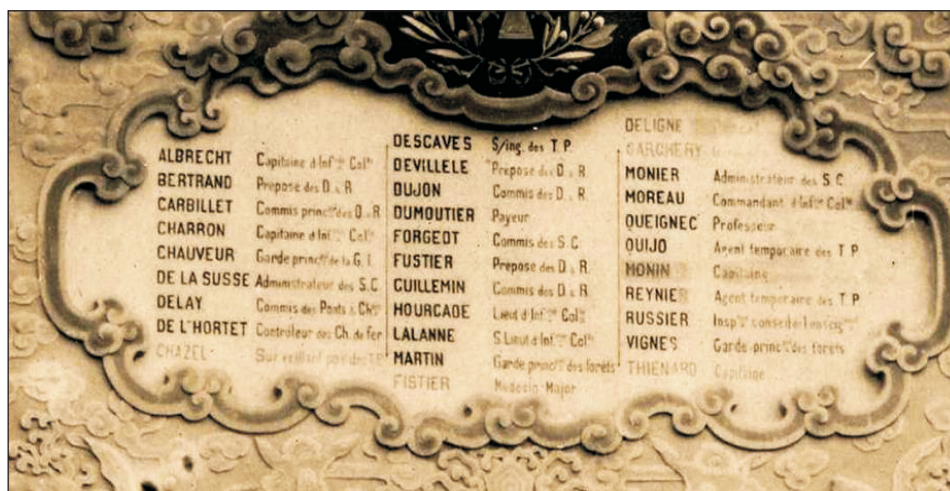
Sơ đồ mặt bằng Đài Tưởng niệm Huế do Auclair, Cosserat, Bézy và Nguyễn Đình Hòe thiết lập ngày 21/4/1920 (Nguồn: E. Le Bris (1937), “Le Monument aux Morts de Hué”, *BAVH*, N°4, Oct. – Dec., p. 341).



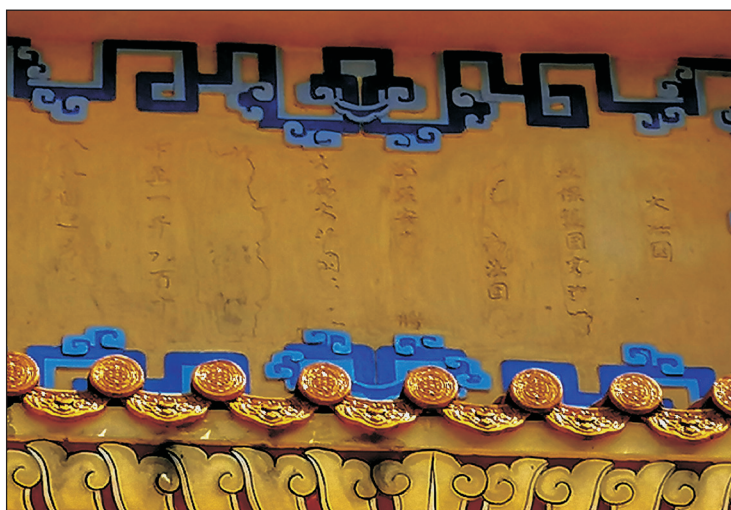
Toàn cảnh mặt trước Đài Tưởng niệm Huế năm 1930 nhìn từ phía phải vào (Nguồn: AAVHj.c.).



Toàn cảnh mặt sau Đài Tưởng niệm Huế (Nguồn: 2010 - Flickr.com).



Tầng dưới ở mặt trước của Đài khắc 6 cột dọc bằng chữ Pháp ghi họ và cấp bậc hoặc chức vụ của 31 người Pháp làm việc ở Trung Kỳ đã nhập ngũ và chết trong Thế chiến 1 (Nguồn: AAVHAP000799-Sogny-Marien).



Tầng trên mặt sau Đài khắc chữ Hán thành 8 hàng dọc gồm 52 chữ, đã bị phủ một lớp vữa mỏng nên chỉ đọc được một số chữ từ phải sang là “Đại Pháp quốc * Bảo hộ quốc * * * * * sắc Pháp quốc * nhất hạng An Nam * * * * * vong vị Đại Pháp quốc * * * * * thượng tự nhất thiên cửu bách thập tứ hạ chí nhất thiên cửu bách thập bát niên * * * * *” [Trần Đại Vinh đọc]. Đại ý là Chính phủ Bảo hộ (Trung Kỳ) thuộc nước Đại Pháp ghi công những người Pháp và An Nam ở Trung Kỳ đã chết vì nước Đại Pháp từ năm 1914 đến năm 1918 (Ảnh: NCPT, chụp tháng 4/2019).

Tầng dưới mặt sau Đài khắc chữ Quốc ngữ thành 9 cột dọc gồm 78 họ tên người Việt thuộc các tỉnh Trung Kỳ là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Tourane [Đà Nẵng], Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum. Hoa văn viền quanh đã bị đục, toàn bộ phủ một lớp vữa hơi dày, chỉ ở khoảng giữa có bong tróc, nên không đọc được toàn bộ họ tên (Nguồn: 2010 - Flickr.com).





Đầu những năm 1960, chính quyền Sài Gòn đã xâm hại di tích Đài Tưởng niệm Huế bằng việc cho đục hoa văn trang trí cùng những hàng chữ Pháp ở mặt trước để thay bằng các dòng chữ “Việt Nam Cộng hòa” ở tầng trên và “Tổ quốc ghi ơn Chiến sĩ tranh đấu cho Độc lập và Tự do” ở tầng dưới (Photo by Woody Hibbard, 1965).



Sau năm 1975, mặt trước Đài Tưởng niệm Huế bị xóa và thay bằng khẩu hiệu “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do” ở tầng dưới (Nguồn: Flickr.com).



Sau lần tôn tạo năm 2017, mặt trước Đài Tưởng niệm Huế hoàn toàn để trống, không có bảng biểu chỉ dẫn nên đa số người dân không còn biết đây là công trình gì (Ảnh: TT, chụp tháng 3/2019).



Dấu vết còn sót lại của danh sách 78 người Việt ở Trung Kỳ hy sinh trong Thế chiến 1 sau lần tôn tạo năm 2017 (Ảnh NCPT, chụp tháng 4/2019).



Hiện nay, Đài Tưởng niệm Huế biến thành sân khấu để tổ chức các chương trình giải trí (Ảnh NCPT, chụp tháng 4/2019).



Trong đợt sang Pháp đàm phán ký tạm ước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mặc niệm trước Đài Tưởng niệm những người lính Việt Nam chết trong Thế chiến 1 tại Nogent-sur-Marne và đặt vòng hoa tại Mộ Chiến sĩ Vô danh ở Khải Hoàn Môn, Paris, ngày 3/7/1946 (Nguồn: *Flickr.com*).



Đài Tưởng niệm Chiến tranh 1914-1918 ở Sài Gòn (Nguồn: *AAVH.j.c.*).



Đài Tưởng niệm Chiến tranh 1914-1918 ở Hà Nội (Nguồn: *Amicale tonkinoise des Anciens Combattants* (1935), *Annuaire 1935*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, p. 42).



Đài Tưởng niệm Chiến tranh 1914-1918 ở Hải Phòng (Nguồn: *Amicale tonkinoise des Anciens Combattants* (1935), *Annuaire 1935*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, p. 112).